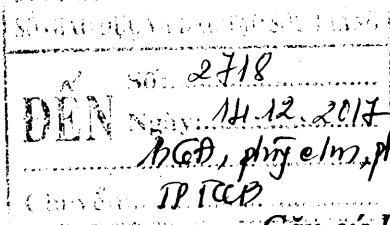


QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định phân cấp quản lý
cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG



Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP, ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ Quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều Luật Kế toán;

Căn cứ Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg, ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 163/2013/TTLT-BTC-BNV ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bố trí, miễn nhiệm, thay thế và xếp phụ cấp trách nhiệm công việc kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kế toán nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2017. Bãi bỏ các điều khoản có liên quan đến phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Chương III, Chương IV, Chương V, Chương VI, Chương VII của Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng và những quy định khác có liên quan đến quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: (72b)

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- CQĐD BNV (TPHCM);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- CVP UBND tỉnh;
- Hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- Công ty Xổ số kiến thiết Sóc Trăng;
- Công ty Cấp nước Sóc Trăng;
- Công ty Công trình Đô thị Sóc Trăng;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Địa chỉ email:
phongkiemtravanban2012@gmail.com
- Lưu: TH, KT, VX, QT, NC, HC. *ky*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Văn Chuyên



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
(Kèm theo Quyết định số: 41/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập là những người giữ chức danh, chức vụ, cụ thể:

a) Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước, gồm: các sở, cơ quan tương đương sở, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp (sau đây gọi chung là sở, ban ngành); các tổ chức hành chính trực thuộc sở, ban ngành; các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

b) Công chức, viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

c) Cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền luân chuyển, biệt phái hoặc điều động về công tác tại các hội đặc thù, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

d) Phạm vi và đối tượng không áp dụng.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Các chức danh lãnh đạo, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; các hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh (trừ đối tượng quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 1).

- Cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

Điều 2. Nội dung quản lý

1. Xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ quan, đơn vị.

2. Tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức; nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức; phê chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

3. Thực hiện chế độ tiền lương, thôi việc, nghỉ hưu và các chế độ, chính sách đãi ngộ khác đối với cán bộ, công chức, viên chức.

4. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

5. Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo, thống kê; kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và chế độ công vụ, công chức; giải quyết khiếu nại tố cáo đối với cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện các quy định khác liên quan đến quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp quản lý

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc khối Nhà nước của tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật về quản lý cán bộ, công chức, viên chức và phân cấp quản lý cán bộ của Tỉnh ủy Sóc Trăng; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, trước Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các Bộ, ngành trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức của ngành trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo, kiểm tra các sở, ban ngành, các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật và theo quy định này.

2. Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức của ngành, địa phương theo pháp luật hiện hành, quy định của Bộ, ngành (nếu có), phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quyết định của cơ quan có thẩm quyền về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức trong đơn vị và quyết định một số nội dung đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở xuống và viên chức giữ chức vụ do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp bổ nhiệm theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương II

THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Điều 4. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chỉ đạo các sở, ban ngành và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

2. Chỉ đạo Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của tỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; thẩm định Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; quản lý vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền của Sở Nội vụ

1. Thẩm định, tổng hợp Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, gọi tắt là đơn vị sự nghiệp tự chủ hoàn toàn) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hướng dẫn các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; hàng năm báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

3. Thanh tra, kiểm tra đối với các sở, ban ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện công tác quản lý vị trí việc làm và đề xuất xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

Điều 6. Thẩm quyền của Thủ trưởng sở, ban ngành và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quản lý vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý: Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc xây dựng Đề án vị trí việc làm theo quy định.

b) Thẩm định đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng tài chính của đơn vị sự nghiệp.

c) Hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn thuộc thẩm quyền quản lý xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ

cầu viên chức bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng tài chính của đơn vị, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

d) Tổng hợp, xây dựng đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan, đơn vị, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

đ) Định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất, tổng hợp, báo cáo về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cho cơ quan có thẩm quyền quản lý.

Điều 7. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ

Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí việc làm theo quy định. Chịu trách nhiệm báo cáo tình hình quản lý vị trí việc làm trong đơn vị về cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ).

Chương III

THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CHUNG, BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI

Điều 8. Quản lý cán bộ, công chức, viên chức

1. Sở Nội vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chung về công tác cán bộ, công chức, viên chức trong toàn tỉnh, đồng thời có nhiệm vụ sau:

a) Trực tiếp quản lý cán bộ, công chức từ ngạch chuyên viên chính và tương đương (loại B) trở lên, viên chức giữ chức danh nghề nghiệp áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.2 (từ hệ số lương 4,00 đến hệ số lương 6,38) thang bảng lương kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây gọi tắt là viên chức giữ chức danh nghề nghiệp áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.2) trở lên.

b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện các nội dung của công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong toàn tỉnh.

c) Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm; miễn nhiệm; bãi nhiệm; điều động; chuyển công tác; luân chuyển; biệt phái; kỷ luật; cho từ chức; cho thôi giữ chức vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, trực tiếp quản lý cán bộ, công chức từ ngạch chuyên viên và tương đương (loại C trở xuống), viên chức giữ chức danh nghề nghiệp áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 (từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98) thang bảng lương kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây gọi tắt là viên chức giữ chức danh nghề nghiệp áp dụng hệ số lương của

viên chức loại A1) trở xuống; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi đơn vị quản lý. Thực hiện nội dung quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, sở, ban ngành và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp quản lý viên chức từ chức danh nghề nghiệp áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 trở xuống; thực hiện nội dung quản lý viên chức theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng sở, ban ngành và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác quản lý viên chức thuộc đơn vị của mình.

Điều 9. Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức

1. Sở Nội vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chung về công tác quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện các quy định về quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý hồ sơ theo quy định; đồng thời trực tiếp quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (hồ sơ gốc, hồ sơ điện tử).

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức (hồ sơ gốc, hồ sơ điện tử) thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý. Báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất về tình hình quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức cho cơ quan có thẩm quyền quản lý.

Điều 10. Bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm các chức danh:

a) Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương.

b) Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Giám đốc, Phó Giám đốc, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Giám đốc, Phó Giám đốc bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh trực thuộc Sở Y tế.

d) Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh.

e) Các chức danh khác theo quy định của pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm.

2. Thủ trưởng sở, ban ngành và tương đương quyết định bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo các phòng ban chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban ngành ngoài các chức vụ quy định tại Khoản 1. Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo các phòng chuyên môn và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc

Ủy ban nhân dân cấp huyện ngoài các chức vụ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp được giao quyền tự chủ bổ nhiệm các chức danh viên chức quản lý gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương trực thuộc đơn vị.

5. Thẩm quyền bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán):

a) Đối với đơn vị kế toán ở cấp tỉnh: Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) đơn vị kế toán thuộc quản lý của Hội đồng nhân dân tỉnh do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh bổ nhiệm; Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) đơn vị kế toán cấp I trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm; Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) đơn vị kế toán cấp II, cấp III do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm Phó Thủ trưởng đơn vị quyết định; các đơn vị kế toán khác, kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) do Thủ trưởng đơn vị kế toán đó bổ nhiệm.

b) Đối với đơn vị kế toán ở cấp huyện: Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) đơn vị kế toán thuộc quản lý của Hội đồng nhân dân cấp huyện do Chủ tịch hội đồng nhân dân cấp huyện bổ nhiệm; Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) đơn vị kế toán cấp I trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, phụ trách kế toán ngân sách và tài chính xã, phường, thị trấn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm; Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) đơn vị kế toán cấp II, cấp III do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm Phó Thủ trưởng đơn vị quyết định; các đơn vị kế toán khác, kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) do Thủ trưởng đơn vị kế toán đó bổ nhiệm.

c) Các đơn vị kế toán khác quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này, trước khi bổ nhiệm kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) phải có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ.

6. Các quyết định bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức phải gửi về Sở Nội vụ để theo dõi, quản lý chung theo quy định (đối với các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ phải gửi về cơ quan, đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp 01 bản để theo dõi).

Điều 11. Bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức

1. Người có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điều 10 quy định này thực hiện việc xem xét, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo khi hết thời hạn bổ nhiệm.

2. Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý khi hết thời hạn bổ nhiệm mà không đủ tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm lại thì cơ quan có thẩm quyền bố trí, phân công công tác khác.

3. Đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo còn dưới 05 năm công tác đến tuổi nghỉ hưu, khi được bổ nhiệm lại thì thời hạn bổ nhiệm tính đúng với tuổi nghỉ hưu theo quy định.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUẢN LÝ LUÂN CHUYÊN, ĐIỀU ĐỘNG, CHUYÊN CÔNG TÁC, TIẾP NHẬN, BIỆT PHÁI, ĐÁNH GIÁ

Điều 12. Luân chuyển cán bộ, công chức

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định luân chuyển cán bộ, công chức đối với các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo kế hoạch.

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành quyết định luân chuyển cán bộ, công chức theo kế hoạch đối với các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Thủ trưởng các sở, ban ngành.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định luân chuyển cán bộ, công chức theo kế hoạch đối với các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 13. Điều động cán bộ, công chức

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều động cán bộ, công chức đối với các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cán bộ, công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương (loại A) trở lên, các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định điều động cán bộ, công chức ngoài chức danh thuộc thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều này giữa các sở, ban ngành và tương đương; giữa các Ủy ban nhân dân cấp huyện; từ các sở, ban ngành sang Ủy ban nhân dân cấp huyện và ngược lại; từ sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện sang các hội đặc thù; từ cơ quan tổ chức, hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, hội đặc thù sang cơ quan Đảng, Đoàn thể cấp huyện trở lên, các cơ quan nhà nước cấp trên đóng tại địa phương; từ tỉnh Sóc Trăng đến các tỉnh, thành phố khác.

3. Thủ trưởng các sở, ban ngành và tương đương quyết định điều động công chức đối với chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm trong nội bộ của sở, ban ngành và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều động cán bộ, công chức đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý trong nội bộ của huyện.

Điều 14. Chuyển công tác đối với viên chức

1. Khi viên chức chuyển công tác từ đơn vị sự nghiệp công lập này sang đơn vị sự nghiệp công lập khác (bao gồm các đơn vị trực thuộc các cơ quan Đảng, đoàn thể cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập nhà nước cấp trên đóng tại địa phương) trên địa bàn tỉnh hoặc ra ngoài tỉnh phải được cơ quan có thẩm quyền quản lý đồng ý bằng văn bản, sau đó phải thực hiện chấm dứt hợp đồng làm việc và giải quyết các chế độ theo quy định của Luật Viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.